

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày: 09/7/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga, ông Nguyễn Đắc Quýnh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T (V B);

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng;

Người được ủy quyền lại: Anh Nguyễn Ngọc L, anh Lý Viết T; anh Nguyễn Minh C – Phòng xử lý nợ V B.

Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Đ, N, N, Hải Dương;

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là V B) trình bày:

Ngày 14/6/2016 anh Lê Văn Q đã vay của V B số tiền 61.000.000đ thông qua hình thức đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ dịch vụ ngân

hàng điện tử và vay vốn, hình thức vay tín chấp, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 28%/năm, mức lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, mức điều chỉnh lãi xuất bằng mức lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ, lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên ngân hàng xác định từng thời kỳ; lãi phạt bằng 150% của lãi trong hạn; Hàng tháng trả gốc và lãi vào ngày 14 hàng tháng, chia thành 48 kỳ trả nợ. Ngày 14/6/2016 V B đã giải ngân vào tài khoản số 102060709 của anh Q số tiền 61.000.000đ, ngày 15/6/2016 anh Q đã rút số tiền 58.640.000đ, còn 2.251.000đ được tự động trừ vào tiền bảo hiểm cho khoản vay. Sau đó anh Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mới thanh toán được cho V B số tiền gốc 2.883.638đ, tiền lãi 6.756.120đ, tiền phạt 110.559đ. Tính đến thời điểm xét xử (ngày 09/7/2019) anh Q còn nợ V B tiền gốc 58.116.362đ, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tổng bằng 66.121.733đ, tiền phạt chậm trả 38.662.462 tổng cộng là 162.900.557đ, nên yêu cầu ông Q phải trả V B toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi còn nợ và tiếp tục chịu lãi theo như thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ.

Theo bị đơn anh Lê Văn Q trình bày: Do có nhu cầu mua sắm tiêu dùng nên anh đã vay của V B số tiền 61.000.000đ tiền gốc (đã bao gồm 2.251.000đ tiền bảo hiểm) thông qua hình thức đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn, hình thức vay tín chấp, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 28%/năm, hàng tháng trả gốc và lãi vào ngày 14 hàng tháng, chia thành 48 kỳ trả nợ. Sau đó V B đã chuyển tiền vào tài khoản của anh và anh đã rút toàn bộ số tiền đó nhưng đến nay không nhớ thời gian rút tiền. Thời gian đầu anh vẫn trả gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ, nhưng sau đó do khó khăn về kinh tế nên anh không thực hiện được việc trả gốc và lãi theo quy định. Xác định hiện nay anh còn nợ V B tiền gốc là 58.116.362đ, còn tiền lãi và lãi quá hạn thì theo như V B đã tính toán là đúng. Hiện nay do công việc làm ăn không thuận lợi nên chưa có tiền để trả nợ, anh đề nghị V B cho anh trả dần tiền gốc thành hai đợt, còn đối với tiền lãi và lãi phạt đề nghị V B miễn toàn bộ cho anh

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt chậm trả, yêu cầu anh Q phải trả V B toàn bộ số tiền gốc là 58.116.362đ, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 66.121.733đ, tổng bằng 124.238.095đ và tiếp tục phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ gốc

Bị đơn xác định việc ký kết hợp đồng với V B là tự nguyện, thừa nhận số tiền đã vay, số tiền đã trả và số tiền nợ gốc còn phải trả theo như V B trình bày là đúng. Đối với tiền lãi, mức lãi suất theo hợp đồng là cao vì khi ký kết hợp đồng anh không để ý. Đề nghị V B cho anh trả dần khoản tiền gốc và miễn toàn bộ tiền lãi cho anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 121, 122, 124, 290, 292, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc anh Lê Văn Q phải trả cho Ngân hàng T tiền gốc 58.116.362đ, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 66.121.733đ, tổng 124.238.095đ và tiếp tục phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Về án phí anh Q chịu án phí theo quy định, hoàn trả Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa đại diện V B rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Q phải thanh toán đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 14/11/2016 cho đến khi anh Q thanh toán hết các khoản nợ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định anh Lê Văn Q đã vay của V B số tiền 61.000.000đ, thời hạn 48 tháng theo giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 31/5/2016 và Chấp thuận cho vay của Ngân hàng ngày 14/6/2019 (gọi chung là hợp đồng tín dụng số LD 161600861). Xét việc giao kết hợp đồng giữa bên cho vay và bên vay được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 121, 122, 124 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng thể hiện lãi suất trong hạn là 28% (mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, mức điều chỉnh lãi xuất bằng mức lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ, lãi suất

bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên ngân hàng xác định từng thời kỳ); lãi phạt (quá hạn) bằng 150% của lãi trong hạn. Như vậy mức lãi suất do hai thỏa thuận trong hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định tại quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, Điều 1 Thông tư số 12 ngày 14/04/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng việt nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, phù hợp với Quy định số 60 ngày 20/6/2015 của V B về quy định sản phẩm tiêu dùng không có tài sản bảo đảm. Anh Q trình bày lãi suất như vậy là cao và khi ký kết hợp đồng anh không đọc hợp đồng là không có căn cứ.

Về nghĩa vụ thanh toán tại hợp đồng đã quy định: anh Q phải trả gốc và lãi định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày 14, tổng cộng bằng 48 kỳ trả nợ, tuy nhiên anh Q mới trả cho V B số tiền gốc là 2.883.638đ, tiền lãi 6.756.120đ, còn nợ tiền gốc 58.116.362đ, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 66.121.733đ (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/7/2019). Đối chiếu với các điều khoản tại hợp đồng tín dụng xác định anh Q đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên V B yêu cầu anh Q phải trả số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ. Anh Q đề nghị V B cho anh trả dần tiền nợ gốc và xin miễn toàn bộ tiền lãi, V B không chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V B, buộc anh Q phải trả V B tiền gốc là 58.116.362đ đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 09/7/2019 là 66.121.733đ, tổng bằng 124.238.095đ và phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Q phải chịu án phí theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 121, 122, 124, 290, 292, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về nội dung yêu cầu anh Lê Văn Q thanh toán tiền phạt chậm trả phát sinh từ ngày 14/11/2016

đến khi anh Q thanh toán hết các khoản nợ theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng T: Buộc anh Lê Văn Q phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/7/2019 là: tiền nợ gốc 58.116.362đ đồng, tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn 66.121.733đ, tổng cộng 124.238.095đ (*Một trăm hai mươi tư triệu hai trăm ba mươi tám nghìn không trăm chín lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 09/7/2019, anh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. .

3. Án phí: Anh Lê Văn Q phải chịu 6.211.900đ (*Sáu triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng T 2.700.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2017/0004536 ngày 26 tháng 4 năm 2019.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đ-ơng sự;
- L-ư hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy